

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3232/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thanh lý diện tích rừng giống bị thiệt hại do bão số 2 gây ra ngày
17/7/2017 tại Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Kỳ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BTC ngày 20/2/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý rừng trồng không thành rừng, rừng trồng không có khả năng thành rừng;

Căn cứ Quyết định số 4540/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Theo đề nghị của liên ngành Tài Chính- Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 134/TTr-LN: NN&PTNT-STC ngày 23/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thanh lý diện tích rừng giống bị thiệt hại do bão số 2 gây ra ngày 17/7/2017 tại Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Kỳ với các nội dung sau:

1. Địa điểm, diện tích, đối tượng rừng thanh lý

- Vị trí, địa điểm thanh lý, khai thác tận thu lâm sản: Lô 1, 2, 3, khoảnh 6, tiểu khu 650, diện tích 10,1ha; lô 1, khoảnh 4, tiểu khu 649, diện tích 3,5ha thuộc địa giới hành chính xã Thanh Tân, huyện Như Thanh.

- Tổng diện tích thanh lý: 13,6ha.

- Loài cây trồng; Keo tai tượng (10,1ha), Keo lá tràm (3,5ha).

- Đối tượng rừng thanh lý:

+ Rừng giống Keo tai tượng trồng trên đất quy hoạch rừng sản xuất đã giao khoán cho hộ gia theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 8/11/2005 của Chính

phủ đã được Nhà nước đầu tư từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu thuộc Chương trình bảo vệ và phát triển rừng và hạ tầng kỹ thuật giống cây lâm nghiệp năm 2008 do Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Kỳ làm chủ đầu tư.

+ Rừng giống Keo lá tràm được chuyển hóa trên đất quy hoạch rừng phòng hộ đã giao khoán cho hộ gia đình theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ đã được Nhà nước đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và chương trình, dự án 327, 661 và được chuyển hóa thành rừng giống năm 2008 từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu thuộc Chương trình bảo vệ và phát triển rừng và hạ tầng kỹ thuật giống cây lâm nghiệp năm 2008 do Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Kỳ làm chủ đầu tư.

- Nguyên nhân thanh lý, khai thác tận thu lâm sản: Là cây trong diện tích rừng giống bị đổ, gãy do bão số 2 năm 2017, không có khả năng thành rừng, không đủ tiêu chuẩn để làm rừng giống.

2. Về khối lượng khai thác lâm sản

- Tổng số cây trên diện tích 13,6 ha đề nghị thanh lý: 3.591 cây, trong đó:

+ Cây lóc gốc, gãy: 2.334 cây (Keo tai tượng: 2.279 cây; Keo lá tràm 55 cây)

+ Cây bị ảnh hưởng: 1.257 cây (Keo tai tượng: 1.239 cây; Keo lá tràm 18 cây)

- Tổng trữ lượng rừng: 619,62m³ (Keo tai tượng: 599,014m³; Keo lá tràm: 20,60m³).

- Sản lượng thương phẩm: 433,74m³.

+ Keo tai tượng: 419,31 m³ (gỗ gia dụng 22,39m³; gỗ nguyên liệu 337,02m³; củi 59,9m³).

+ Keo lá tràm: 14,43 m³ (gỗ gia dụng 2,48m³; gỗ nguyên liệu 9,88m³; củi 2,06m³).

3. Về giá trị thu hồi

- Giá trị lâm sản thu hồi: 301.464.000 đồng.

- Chi phí khai thác tận thu lâm sản: 162.782.000 đồng.

- Giá trị còn lại: 138.682.000 đồng, trong đó:

+ Chi hưởng lợi cho hộ nhận khoán: 124.814.000 đồng.

+ Nộp ngân sách tỉnh: 13.868.000 đồng.

(Chi tiết có phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Kỳ

- Tự tổ chức thanh lý, khai thác tận thu lâm sản trên diện tích rừng giống bị thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng (bão số 2 năm 2017) nêu tại Điều 1, Quyết định này; đồng thời sử dụng nguồn vốn hợp pháp để trồng lại theo quy định.

- Nộp ngân sách tỉnh tối thiểu: 13.868.000 đồng (*Mười ba triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn*).

2. Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, giám sát việc khai thác, vận chuyển, tiêu thụ lâm sản trên diện tích rừng thanh lý theo đúng quy định của pháp luật. Nghiêm cấm lợi dụng để chặt phá rừng hoặc buôn bán gỗ trái pháp luật; chấp hành nghiêm các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; chỉnh lý hồ sơ giao đất lâm nghiệp và hồ sơ cập nhật diễn biến tài nguyên rừng theo quy định.

3. Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Kỳ thực hiện thanh lý rừng và nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định của pháp luật.

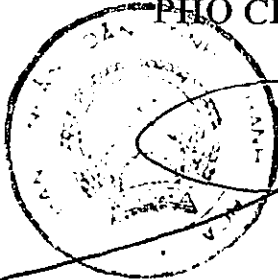
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chi cục Kiểm lâm, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Kỳ; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
 - Các đơn vị liên quan;
 - Lưu: VT, NN.
- (MC88)

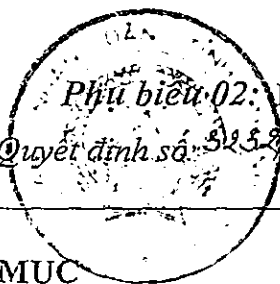
**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu 01: TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ THANH LÝ RỪNG GIỐNG BỊ ĐỔ DO CÔN BẢO SỐ 2 NĂM 2017
TẠI BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ THANH KỲ
 (Kèm theo Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 29 / 8 /2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đơn vị đề nghị			Kết quả thẩm định		
			Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	Tổng chi phí đầu tư				206.904.085			162.781.563
I	Chi phí trực tiếp				191.643.050			147.520.527
1	Chi phí nhân công				159.215.930			139.465.795
a	Chi phí nhân công trực tiếp	Công	598,4	180.818	108.201.491	598,4	180.818	94.245.534
	Chặt hạ, cắt khúc	Công	135,7	180.818	24.537.003	135,7	180.818	24.537.003
	Vận xuất	Công	462,7	180.818	83.664.489	462,7	150.656	69.708.531
b	Chi phí gián tiếp	Công	274,6	151.273	41.539.566	274,6	151.273	35.745.388
	Vệ sinh rừng trước, sau khai thác.	Công	222,7	151.273	33.688.497	222,7	125.351	27.915.668
	Giao rừng trước và sau khai thác	Công	34,6	151.273	5.234.046	34,6	150.656	5.212.698
	Nghiệm thu	Công	17,3	151.273	2.617.023	17,3	151.273	2.617.023
c	Quản lý khai thác: 6% (Nhân công)	Công	52,4	180.818	9.474.873	52,4	180.818	9.474.873
2	Chi phí thiết bị dụng cụ SX	Đồng			32.427.120			8.054.733
II	Chi phí khác				15.261.036			15.261.036
	Chi phí khảo sát thiết kế	Đồng/m ³	433,7	33.000	14.312.100	433,7	33.000	14.312.100
	Chi phí thẩm định	Đồng/m ³	433,7	2.188	948.936	433,7	2.188	948.936
B	Dự kiến giá trị sản phẩm				301.463.748			301.463.748
	Gỗ gia dụng	Đồng/m ³	24,9	2.100.000	52.231.629	24,9	2.100.000	52.231.629
	Gỗ nguyên liệu giấy	Đồng/m ³	346,9	656.000	227.567.119	346,9	656.000	227.567.119
	Củi	Đồng/m ³	61,9	350.000	21.665.000	61,9	350.000	21.665.000
C	Giá trị còn lại				94.559.662			138.682.185
	Chi trả cho hộ nhận khoán				85.103.696			124.813.966
D	Nộp ngân sách tỉnh				9.455.966			13.868.218



Phụ biểu 02: DỰ TRÙ TRANG THIẾT BỊ - DỤNG CỤ SẢN XUẤT

(Kèm theo Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	HẠNG MỤC	Đơn vị tính	Định mức sử dụng	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ khấu hao (%)	Thành tiền (đồng)
I	Dụng cụ chặt hạ, cắt khúc.						810.000
1	Dao phát (dao quắm)	Cái	250 m ³ /cái	8	90.000	100	720.000
2	Dao năm	Cái	270 m ³ /cái				-
3	Ca xăng (Nhật)	Cái	350 m ³ /cái				-
4	Rũa ca 3 cạnh+Rũa ca tròn	Cái	50 m ³ /cái	9	10.000	100	90.000
5	Búa nhỏ đóng móc kéo	Cái	200 m ³ /cái				-
II	Vận xuất						-
1	Trâu kéo	Con	350 m ³ /cái				-
2	Vai trâu	Cái	350 m ³ /cái				-
3	Móc kéo	Cái	100 m ³ /cái				-
III	Bảo hộ lao động						3.550.000
1	Quần áo bảo hộ	Bộ		10	250.000	100	2.500.000
2	Dày bảo hộ	Bộ		10	85.000	100	850.000
3	Tất đi rừng	Bộ		10	20.000	100	200.000
IV	Nhiên liệu						3.694.733
1	Xăng A92	Kg	0,44lít/m ³	190,8	17.600	100	3.358.848
2	Nhiên liệu phụ = 10% nhiên liệu chính						335.885
Tổng tiền thiết bị dụng cụ sản xuất							8.054.733